

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

b) Dài hạn			
- Công ty TNHH Hoàng Đạo		30,271,975,287	30,271,975,287
- Nguyễn Văn Hiệp		106,332,975	106,332,975
- Công ty TNHH TMDV Bắc Việt Chung		2,790,428,508	2,790,428,508
- Cơ sở kinh doanh Lê Thị Lệ Chiêu		4,690,491,475	4,690,491,475
- Trả trước cho các nhà cung cấp khác		1,350,741,682	1,350,741,682
Cộng		39,209,969,927	39,209,969,927

(*) Các khoản trả trước này đã trích lập dự phòng 100%.

5. Hàng tồn kho		30/09/2020	Số đầu năm
6. Phải thu về cho vay ngắn hạn		30/09/2020	01/01/2020
- Công ty Cổ phần Vật tư Xuất Nhập khẩu Tân Bình	(*)	35,000,000,000	35,967,138,802
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bưu chính Viễn thông	(**)	200,000,000,000	200,000,000,000
- Công ty TNHH Thương mại DV Mộc Đức			1,100,000,000
Cộng		235,000,000,000	237,067,138,802

- Bao gồm các Hợp đồng

(*) Hợp đồng cho Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình mượn số 01/HĐV/SEA-TMX/2020 ngày 01/01/2020 số tiền 35.000.000.000 đồng, thời hạn cho mượn đến ngày 31/12/2022, lãi suất cho mượn 4.3%/năm.

(**) Hợp đồng cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bưu chính Viễn Thông vay số 02/HĐV/2020 ngày 01/01/2020 với số tiền cho vay 200.000.000.000 đồng, Thời hạn cho vay đến 31/12/2022, lãi suất cho vay 4.90%/năm.

7. Phải thu khác		30/09/2020		01/01/2020	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn					
- Phải thu Công ty Cổ phần Công nghiệp Toda		3,035,379,211	(3,035,379,211)	3,035,379,211	(3,035,379,211)
- Phải thu từ hợp tác đầu tư					
<i>Công ty CP XD và KD Địa ốc Nam Tiến (a)</i>		305,250,000,000		305,250,000,000	
<i>Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình (b)</i>		199,912,200,000		199,912,200,000	
<i>Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bưu chính Viễn Thông ©</i>		225,837,800,000		225,837,800,000	
- Phải thu lãi từ hợp tác đầu tư					
<i>Công ty CP XD và KD Địa ốc Nam Tiến</i>		6,637,915,625	-	6,637,915,625	-
<i>Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình</i>		3,947,932,763		3,947,932,763	
<i>Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bưu chính Viễn Thông</i>		4,498,312,580		4,498,312,580	
- Phải thu lãi cho vay					
<i>Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình</i>		384,611,111	-	5,824,196,375	-
<i>Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bưu chính Viễn Thông</i>		2,044,444,444		43,243,055,556	
<i>Công ty TNHH TM DV Mộc Đức</i>				275,566,666	

975
Y
N
KH
IN
JN
CH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

- Phải thu tiền mượn của Công ty CP XD và KD Địa ốc Nam Tiến	1,990,392,155		1,990,392,155	
- Phải thu Công ty Cổ phần TM và DL Sài Gòn	10,000,000,000	-	10,000,000,000	(5,000,000,000)
- Công ty CP Everland	8,673,340,473	-	8,673,340,473	-
- Công ty CP Thủ Thiêm Land	1,833,419,641		1,853,419,641	
- Phải thu gốc và lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh (d)	500,000,000	(500,000,000)	500,000,000	(500,000,000)
- Nguyễn Văn Liêm	9,176,132,736		23,900,000,000	
- Công ty TNHH MTV Thanh Niên Bình Định	7,500,000,000		7,500,000,000	
- Phải thu Công ty CP giống gia cầm Miền Nam (b)	14,000,000,000		14,000,000,000	
- Ký quỹ ngắn hạn	441,000,000	(20,000,000)	441,000,000	(20,000,000)
- Các khoản tạm ứng	1,080,508,293	(203,627,621)	932,744,294	(203,627,621)
- Phải thu khác	385,723,687	(16,519,500)	396,243,122	(16,519,500)
Cộng	807,129,112,719	(3,775,526,332)	868,649,498,461	(8,775,526,332)

(a) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 001-3/HĐHT/SEA-NTC/2018 ngày 19 tháng 01 năm 2018, Công ty góp vốn bằng tiền mặt với số tiền là 305.520.000.000 VNĐ để Công ty cổ phần Xây Dựng và Kinh Doanh Địa Ốc Nam Tiến với tư cách là cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần PPT Land thực hiện dự án Khu Chung cư và Thương mại dịch vụ cao tầng tại số 04 đường Phạm Phú Thứ, Phường 11, q. Tân Bình. Thời gian thực hiện hợp tác là 24 tháng đến ngày 19 tháng 01 năm 2020 và gia hạn hợp đồng đến 31/12/2021.

(b) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 001-2/HĐHT/SEA-SAIKOM/2018 ngày 04 tháng 04 năm 2018, Công ty góp vốn bằng tiền mặt với số tiền là 225.837.800.000 VNĐ để Công ty cổ phần Xây Dựng Bưu chính Viễn Thông với tư cách là cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần PPT Land thực hiện dự án Khu Chung cư và Thương mại dịch vụ cao tầng tại số 04 đường Phạm Phú Thứ, Phường 11, quận Tân Bình. Thời gian thực hiện hợp tác là 24 tháng đến ngày 04 tháng 04 năm 2020 và gia hạn hợp đồng đến 31/12/2021.

(c) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 001-1/HĐHT/SEA-TMX/2018 ngày 03 tháng 04 năm 2018, Công ty góp vốn bằng tiền mặt với số tiền là 199.912.200.000 VNĐ để Công ty cổ phần vật tư Xuất nhập khẩu Tân Bình với tư cách là cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần PPT Land thực hiện dự án Khu Chung cư và Thương mại dịch vụ cao tầng tại số 04 đường Phạm Phú Thứ, Phường 11, quận Tân Bình. Thời gian thực hiện hợp tác là 24 tháng đến ngày 03 tháng 04 năm 2018 và gia hạn hợp đồng đến 31/12/2021.

(d) Khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 001-12.2014/HĐHTKD-SPS ngày 01 tháng 12 năm 2014, Công ty góp vốn với số tiền 500.000.000 VNĐ cho Ông Phạm Nguyễn Khôi để kinh doanh Xuất nhập khẩu, đầu tư sinh lời từ khoản đầu tư của Công ty.

(g) Khoản tiền ứng trước theo hợp đồng hứa mua, hứa bán số 001-2016/HĐH-TĐT/SEA-GGC về việc nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại số 20 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh với giá chuyển nhượng 20.000.000.000 VNĐ

b) Dài hạn

	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu khác	476,108,238	(476,108,238)	476,108,238	(476,108,238)
Cộng	476,108,238	(476,108,238)	476,108,238	(476,108,238)

8. Tài sản thiếu chờ xử lý

		30/09/2020	01/01/2020
- Công ty TNHH SX và TM XNK Tân Đình Phong	(*)	2,288,788,920	2,288,788,920
Cộng		2,288,788,920	2,288,788,920
- Dự phòng phải thu khó đòi		(2,288,788,920)	(2,288,788,920)
Giá trị thuần		-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

(*) Bao gồm giá trị của 74,25 tấn hạt nhựa HDPE là 2.288.788.920 đồng, gửi tại kho Tân Đình Phong bị niêm phong bởi các chủ nợ của công ty này (công ty này đã bỏ trốn). Công ty đang tiến hành các thủ tục khởi kiện liên quan đến vụ việc này và các khoản nợ phải thu quá hạn chưa thanh toán. Công ty đã trích lập 100% dự phòng phải thu khó đòi.

9. Nợ xấu	30/09/2020		01/01/2020	
a) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi				
	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng	7,977,874,554		6,990,811,188	
- Trả trước người bán	344,000,000		344,000,000	
- Phải thu khác	12,876,898,711	-	12,876,898,711	-
- Tài sản thiếu chờ xử lý	2,288,788,920		2,288,788,920	
- Tạm ứng	203,627,621	-	203,627,621	-
- Cầm cố thế chấp ký quỹ ngắn hạn	20,000,000	-	20,000,000	-
	23,711,189,806	-	22,724,126,440	-
b) Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi				
	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng	42,922,453,362		42,922,453,362	
- Trả trước người bán	39,209,969,927	-	39,209,969,927	-
- Phải thu khác	476,108,238	-	476,108,238	-
	82,608,531,527	-	82,608,531,527	-
10. Tài sản cố định hữu hình				
Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	1,794,851,696	12,462,121,182	104,986,750	14,361,959,628
Tăng do mua mới	-	-	-	-
Giảm do thanh lý	-	-	-	-
Số cuối năm	1,794,851,696	12,462,121,182	104,986,750	14,361,959,628
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	1,791,863,667	4,885,972,551	104,986,750	6,782,822,968
Tăng trong năm	1,120,474	1,069,832,576	-	1,070,953,050
Giảm do thanh lý	-	-	-	-
Số cuối năm	1,792,984,141	5,955,805,127	104,986,750	7,853,776,018
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	2,988,029	7,576,148,631	-	7,579,136,660
Tại ngày cuối năm	1,867,555	6,506,316,055	-	6,508,183,610
11. Tài sản cố định vô hình (phần mềm kế toán)				
	01/01/2020	Tăng	Giảm	30/09/2020
Nguyên giá	264,747,900	-	-	264,747,900
Hao mòn lũy kế	264,747,900	-	-	264,747,900
Giá trị còn lại	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

	30/09/2020	01/01/2020
12. Tài sản dở dang dài hạn		
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	(*) 28,221,525,561	28,221,525,561
Cộng	28,221,525,561	28,221,525,561

(*) Chi phí liên quan đến xây dựng dự án khu dân cư tại số 678 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. HCM.

13. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Dầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4,847,240,000	761,127,500	(4,086,112,500)	4,847,240,000	983,238,000	(3,864,002,000)
Bao gồm:		Số lượng	Đơn giá mua	Trị giá đầu tư	Giá trị dự phòng	
Công ty niêm yết						
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín		65,610	67,770	705,307,500	(3,741,112,500)	
Công ty chưa niêm yết						
(*) - Công ty CP XNK Thủy sản Năm Căn		82	10,000	820,000		
(*) - Cty CP TM Vàng Bạc Đá quý Phường Nam		10,000	40,000	55,000,000	(345,000,000)	
Cộng				761,127,500	(4,086,112,500)	

14. Tài sản dài hạn khác

	30/09/2020	01/01/2020
Chi phí khác	19,090,659,514	19,181,547,661
Cộng	19,090,659,514	19,181,547,661

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/09/2020	01/01/2020
- Công ty TNHH Ánh Dương Construction	439,035,196	439,035,196
- Công ty TNHH MTV QL KD Nhà TP.HCM		1,842,000,000
- Commodities International Inc	1,485,247,379	1,485,247,379
- Công ty CP Dịch Vụ Quản Lý tài sản 304	24,997,621,000	
- Các nhà cung cấp khác	373,767,725	571,388,725
Cộng	27,295,671,300	4,337,671,300

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/09/2020	01/01/2020
- Người mua đặt cọc mua căn hộ Centa Park	25,205,275,792	42,727,951,165
- Công ty CP Địa ốc Thủ Thiêm	1,915,867,600	26,237,767,600
- Các khách hàng khác	228,973,314	185,760,314
Cộng	27,350,116,706	69,151,479,079

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Phải nộp	Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm	
- Thuế GTGT	18,335,369	55,309,090	52,744,084	20,900,375
- Thuế TNDN	2,162,307,362	261,221,750	720,000,000	1,703,529,112
- Thuế TNCN	447,548,380	126,000,000	196,000,000	377,548,380
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1,009,316,856	623,713,051	349,849,873	1,283,180,034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

- Thuế khác		6,000,000	(6,000,000)	-
- Các khoản phạt và chậm nộp thuế				-
Cộng		3,637,507,967	1,072,243,891	1,312,593,957
18. Chi phí phải trả ngắn hạn				30/09/2020
- Phí môi giới, marketing cho Dự án Centa Park				01/01/2020
- Công ty TNHH MTV QL KD Nhà TP.HCM		12,345,552,261		12,345,552,261
- Công ty CP Giống Gia Cầm Miền Nam		2,859,691,763		776,181,822
- Lãi vay phải trả		2,286,818,181		1,212,727,272
- Chi phí phải trả khác		950,484,880		950,484,880
Cộng		15,000,000		15,000,000
19. Vay và nợ thuê tài chính				30/09/2020
a) Vay ngắn hạn	Số đầu năm	Tăng	Giảm	
- VP Bank	3,340,633,306		931,775,723	2,408,857,583
Cộng	3,340,633,306	-	931,775,723	2,408,857,583
b) Vay dài hạn				
Quỹ hỗ trợ phát triển - CN Hà Nội	186,301,475	-	46,000,000	140,301,475
(**) Khoản vay từ Quỹ hỗ trợ phát triển - Chi nhánh Hà Nội phát sinh tại xí nghiệp Phú Viên nhằm đầu tư sửa chữa ô bể chượp, thiết bị điện, nước và cải tạo nhà kho phục vụ sản xuất nước mắm.				
20. Phải trả ngắn hạn khác				30/09/2020
- Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT và BHTN				01/01/2020
- Phải trả lương nhân viên nghỉ việc từ thời điểm cổ phần hóa		161,186,222		151,954,452
- Lãi chậm nộp thuế		81,480,250		81,480,250
- Cổ tức còn phải trả		3,742,618,763		3,742,618,763
- Phải trả các khoản tiền mượn		1,918,980,093		1,918,980,093
+ Công ty CP Thủ Thiêm Land		19,598,011,274		77,354,777,352
+ Công ty CP Thanh Niên		13,656,489,635		70,071,258,815
+ Các đối tượng khác		18,653,768,986		2,889,373,771
- Khoản nhận vốn góp Hợp đồng hợp tác kinh doanh liên quan đến dự án Centa Park 678 Âu Cơ, P14, Q.TB (a)		5,941,521,639		7,283,518,537
- Phải trả tiền liên quan đến việc mua bán tài sản		500,282,105,040		500,282,105,040
- Khoản phải trả Công ty Dầu Tầm Tơ Việt Nam liên quan đến lãi của Hợp đồng hợp tác kinh doanh (b)		500,000,000		500,000,000
- Phải trả liên quan đến việc nhận giữ chỗ mua căn hộ		16,389,333,333		16,389,333,333
- Các khoản phải trả khác		2,846,847,200		2,846,847,200
Cộng		787,641,721		1,526,342,448
		564,961,972,882		607,683,812,702

(a) Theo Hợp đồng hợp tác số 88/HĐ-HTĐT/SEA-TRASECO ngày 18/08/2016 giữa Công ty và Công ty CP TM DV và Xây dựng về việc hợp tác đầu tư dự án Centa Park tại số 678 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình. Công ty góp vốn bằng quyền đầu tư dự án và các hạng mục công trình với giá trị tạm tính 500.000.000.000 đ, Công ty CP TM DV và Xây dựng sẽ góp vốn bằng tiền 500.000.000.000 đ. Các bên được hưởng toàn bộ lợi nhuận từ dự án theo tỷ lệ góp vốn dự án.

(b) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 03.08/HĐHTKD/SEASG-DTT/2015 ngày 03/08/2015 giữa Công ty và Công ty CP - Tổng công ty Dầu tầm Việt Nam. Công ty góp vốn bằng toàn bộ quyền sở hữu đối với công trình xây dựng trên đất và quyền sử dụng đất tại 1534 Võ Văn Kiệt, P7, Q6. Công ty CP - Tổng công ty Dầu tầm Việt Nam góp 14.000.000.000 đ, lãi hợp tác kinh doanh là 2.389.333.333 đ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

21. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	01/01/2019	Tăng	Giảm	31/12/2019
Vốn góp của chủ sở hữu	396,000,000,000		-	396,000,000,000
Các quỹ	931,464,240	-	-	931,464,240
LNST chưa phân phối	54,693,407,278	23,629,621		54,717,036,899
Cộng	451,624,871,518	23,629,621	-	451,648,501,139
	01/01/2020	Tăng	Giảm	30/09/2020
Vốn góp của chủ sở hữu (*)	396,000,000,000		-	396,000,000,000
Các quỹ	931,464,240	-	-	931,464,240
LNST chưa phân phối	54,717,036,899	382,836,244	-	55,099,873,143
Lợi ích cổ đông đồng kiểm soát				
Cộng	451,648,501,139	382,836,244	-	452,031,337,383

Vốn góp thực tế đến 30/09/2020**(*) Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	Số tiền	Tỷ lệ
- Trần Minh Tinh	20,381,000,000	5.15%
- Nguyễn Nhân Kiệt	99,000,000,000	25.00%
- Nguyễn Trọng Trí	32,000,000,000	8.08%
- Nguyễn Lê Phan	19,876,000,000	5.02%
- Huỳnh Cao Tuấn	83,755,660,000	21.15%
- Nguyễn Thị Vy Phương	16,330,000,000	4.12%
- Nguyễn Khải Hưng	19,000,000,000	4.80%
- Hàn Hồng Hạnh	19,765,000,000	4.99%
- Các cổ đông khác	85,892,340,000	21.69%
Cộng	396,000,000,000	100%

b) Cổ phiếu

	30/09/2020	01/01/2020
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39,600,000	39,600,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39,600,000	39,600,000
+ Cổ phiếu phổ thông	39,600,000	39,600,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39,600,000	39,600,000
+ Cổ phiếu phổ thông	39,600,000	39,600,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	30/09/2020	01/01/2020
Ngoại tệ các loại:		
- USD	3,392.79	3,555.49

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý 3 năm 2020	Quý 3 năm 2019
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ (cho thuê kho, văn phòng,...)	4,429,798,003	4,481,238,355
Cộng	4,429,798,003	4,481,238,355
2. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn dịch vụ	2,225,193,389	1,883,508,443
Cộng	2,225,193,389	1,883,508,443
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2,429,318,238	3,336,530,752
- Lãi tiền gửi, chênh lệch tỷ giá	31,171	197,488
- Lãi từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh		
Cộng	2,429,349,409	3,336,728,240
4. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay	72,162,759	115,798,338
Cộng	72,162,759	115,798,338
5. Chi phí bán hàng		
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	578,124,782	826,504,998
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	87,038,762	44,597,024
- Chi phí khấu hao TSCĐ	346,906,908	346,906,908
- Thuế, phí và lệ phí	236,803,250	32,042,893
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	329,021,122	1,054,271,122
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	887,383,692	1,253,768,252
Cộng	2,465,278,516	3,558,091,197
7. Thu nhập khác		
Cộng	-	-
8. Chi phí khác		
- Thù lao HĐQT và BKS		
- Phạt vi phạm hợp đồng	1,666,133,513	1,585,464,919
- Lãi chậm nộp thuế	171,630,900	
Cộng	1,837,764,413	1,585,464,919



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

	Quý 3 năm 2020	Quý 3 năm 2019
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Thu nhập (lỗ) từ hoạt động kinh doanh chính	258,748,335	695,983,698
Thu nhập (lỗ) từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	-
Tổng thu nhập kế toán trước thuế	258,748,335	695,983,698
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	216,610,857	216,610,857
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập (lỗ) chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính	475,359,192	912,594,555
Thu nhập (lỗ) chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	-	-
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chính năm trước mang sang	-	-
Thu nhập tính thuế	475,359,192	912,594,555
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	95,071,838	182,518,911
Tổng thuế TNDN phải nộp	95,071,838	182,518,911

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

2. Thông tin về các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

- Các bên liên quan

+ Công ty CP Xây dựng và kinh doanh Địa ốc Nam Tiến

+ Công ty CP Thủ Thiêm Land

- Công ty CP Xây dựng và kinh doanh Địa ốc Nam Tiến

Lợi nhuận hợp tác đầu tư phải trả

- Công ty CP Thủ Thiêm Land

Thu tiền mượn

Cần trừ công nợ

Cộng

Công ty CP Xây dựng và kinh doanh Địa ốc Nam Tiến có người đại diện theo pháp luật là cổ đông lớn của Công ty.

Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Quý 3 năm 2020

Quý 3 năm 2019

3,657,285,815

3,657,285,815

4. Các cam kết khác

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Trần Thị Mai Thu

Trần Thị Mai Thu

TP.HCM ngày 15 tháng 10 năm 2020

Tổng giám đốc




Lin Yi Huang